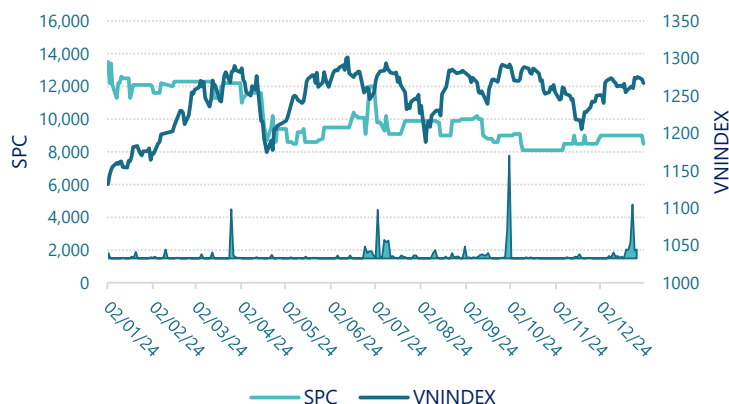


CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (HNX: SPC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	8,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	10,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	90
P/E	-1.9
EPS	-4,572

DT thuần

Q4/24

178

tỷ VNĐ

QoQ: ▼52.0 | -22.6%

YoY: ▼151 | -45.9%

LN sau thuế

Q4/24

-22.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.6 | -300%

YoY: ▼36.6 | -253%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-4.0%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

2024

854

tỷ VNĐ

YoY: ▼194 | -18.5%

LN sau thuế

2024

-46.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.5 | -40.6%

ROE

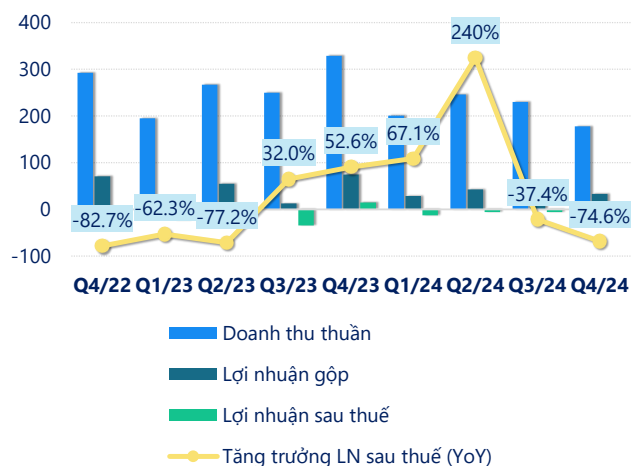
2024

-33.2%

+/- YoY: ▼ 17.0%

tỷ VNĐ

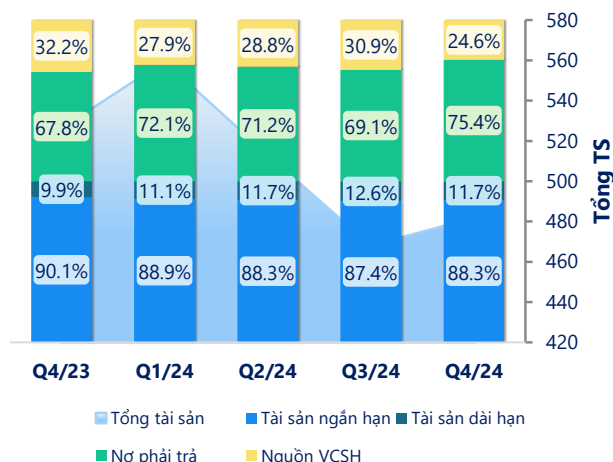
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

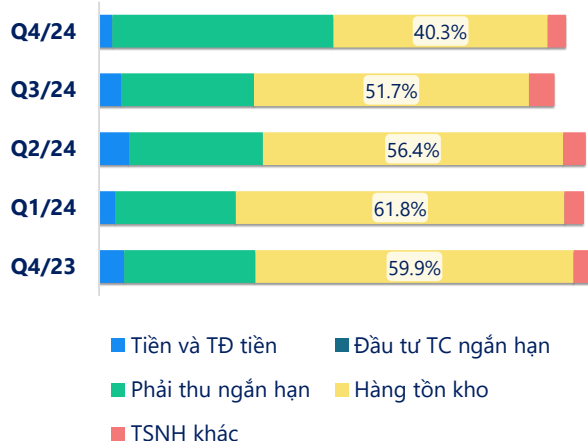
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



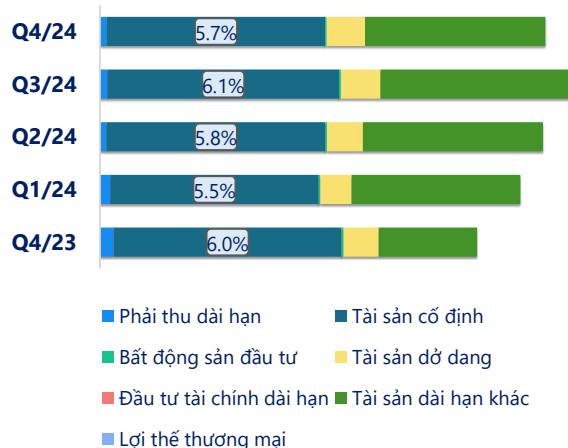
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

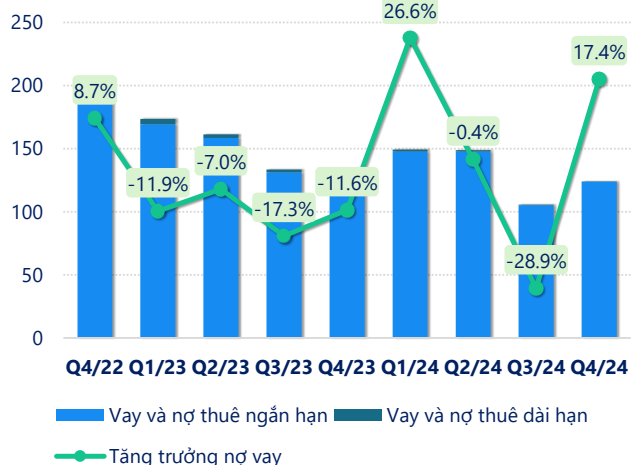
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

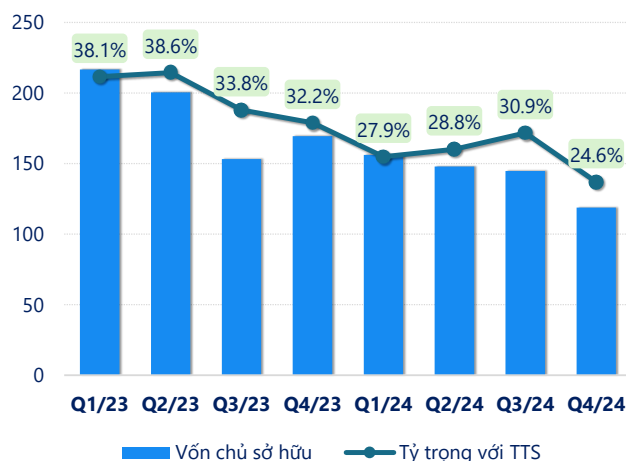
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

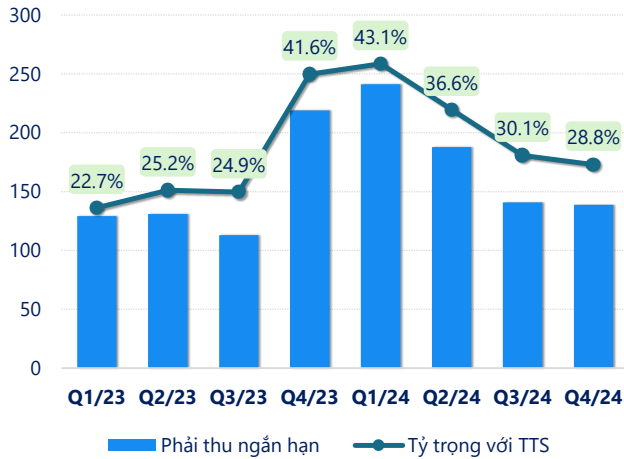
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



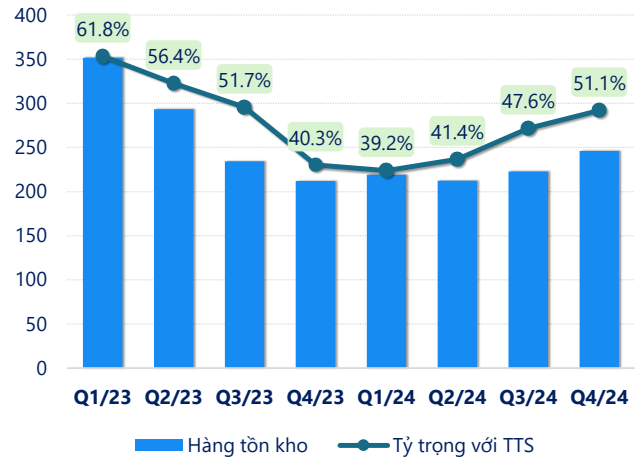
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


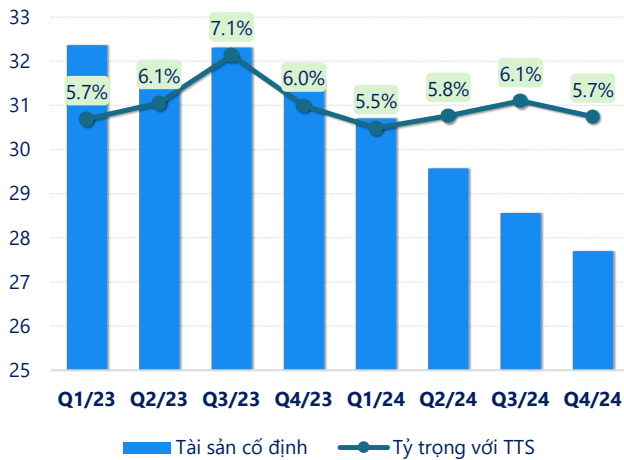
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


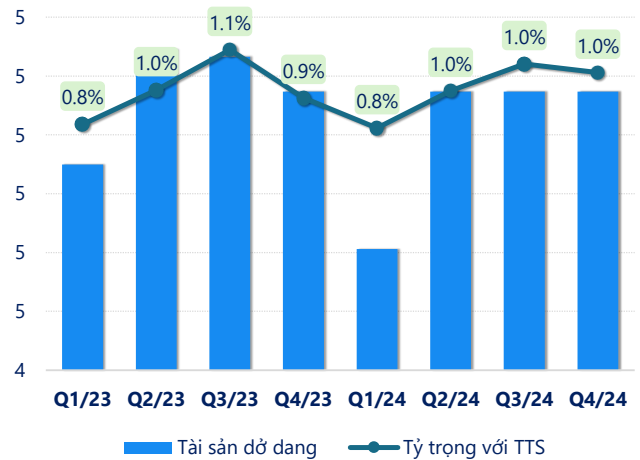
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

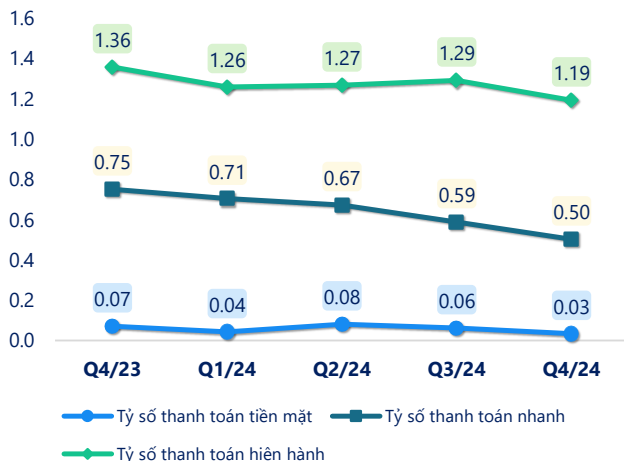
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

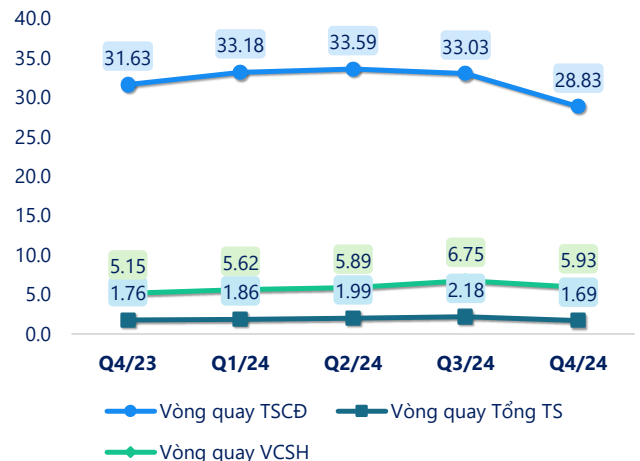
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	526	559	513	468	482
Tài sản ngắn hạn	474	498	453	409	425
Tiền và tương đương tiền	24.8	16.8	28.9	19.6	12.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	219	241	188	141	139
Hàng tồn kho	212	219	212	223	246
Tài sản ngắn hạn khác	18.3	20.6	24.0	25.8	28.3
Tài sản dài hạn	52.2	61.9	59.8	59.1	56.5
Phải thu dài hạn	1.90	1.51	0.87	0.91	0.87
Tài sản cố định	31.6	30.7	29.6	28.6	27.7
Bất động sản đầu tư	0.29	0.25	0.20	0.20	0.18
Tài sản dở dang	4.87	4.61	4.87	4.87	4.87
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.6	24.8	24.3	24.6	22.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	357	403	365	323	363
Nợ ngắn hạn	349	395	357	316	356
Vay và nợ thuê ngắn hạn	116	148	148	105	124
Phải trả người bán ngắn hạn	184	207	173	172	200
Nợ dài hạn	7.89	8.53	7.64	7.02	6.68
Vay và nợ thuê dài hạn	1.70	1.70	1.10	0.58	0.35
Nguồn vốn chủ sở hữu	169	156	148	145	119
Vốn chủ sở hữu	169	156	148	145	119
Vốn điều lệ	105	105	105	105	105
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)